

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HS-ST

Ngày: 06-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tám;

Ông Nguyễn Văn Cao.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Lê Công H, sinh năm: 2000, tại tỉnh Long An; nơi cư trú: xã B, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hoài Đ, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm: 1975; vợ, con: chưa có.

Tiền sự: không.

Tiền án:

- Tại Bản án số 61/2020/HS-ST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt Lê Công H 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 21/10/2020 chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích.

- Tại Bản án số 18/2021/HS-ST ngày 16/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt Lê Công H 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 16/12/2021 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2022 đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Minh T, sinh năm: 2000, tại tỉnh Long An; nơi cư trú: xã T, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Minh V, sinh năm: 1980 và bà Trần Ngọc H, sinh năm: 1980; vợ, con: chưa có.

Tiền án: không.

Tiền sự: Tại Quyết định số 09/QĐ-TA ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Minh T thời gian 24 tháng, đến ngày 25/02/2022 chấp hành xong, chưa xóa tiền sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Hồng Thị L, sinh năm: 1978.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã M, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: xã P, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Hoài Đ, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: xã B huyện B, tỉnh Long An. (có mặt)

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh Châu Ngọc Bảo S, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh Long An.

3. Anh Trần Lê Hoàng T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: xã P, huyện B, tỉnh Long An.

(Tất cả người làm chứng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/5/2022, Lê Công H điều khiển mô tô Biển số 62S2-5848 chở Trần Minh T phía sau lưu T trên đường Quốc lộ 1A hướng từ huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Long An. Khi đến khu vực Ấp 4, xã M, huyện B thì H thấy anh Nguyễn Tấn T điều khiển xe mô tô Biển số 59K1-238.96 chở chị Hồng Thị L phía sau có để 01 túi xách da màu đen ở giữa hai người. Do không có tiền tiêu xài, nên H rủ T giật túi xách của chị L lấy tài sản chia nhau tiêu xài, thì T đồng ý. H chạy xe vượt lên song song, áp sát vào bên phải xe anh T, T ngồi sau dùng tay trái giật mạnh túi xách của chị L. T giật được túi xách thì H tăng tốc xe bỏ chạy, anh T chở chị L đuổi theo và truy hô. Lúc ngày, anh Châu Ngọc Bảo S và anh Trần Lê Hoàng T đang chạy xe trên cùng tuyến đường nghe truy hô liền điều khiển xe chạy đuổi theo H và T. Khi đến

đoạn đường thuộc Ấp 5, xã P, huyện B thì anh S, anh T, anh T cùng lực lượng Công an xã M chốt chặn bắt giữ được H và T cùng tang vật gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu đen, Biển số 62S2-5848; 01 túi xách màu đen, viền đỏ, trắng, không nhãn hiệu; bên trong túi xách có 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Realme, model RMX 181 và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, model A74.

Sau khi sự việc xảy ra, bị hại là chị Hồng Thị L đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 11/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức kết luận: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Realme, model RMX 181 có giá trị: 1.000.000 đồng; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo model A74 có giá trị: 2.450.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 45/KL-HĐĐG ngày 23/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức 01 túi xách da màu đen, viền đỏ, trắng, không có nhãn hiệu có giá trị: 90.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với các kết luận định giá tài sản này.

Bản Cáo trạng số 97/CT-VKSCG, ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo Lê Công H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Minh T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Lê Công H, Trần Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.
- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Công H từ 04 (bốn) năm tù đến 05 (năm) năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T từ 03 (ba) năm tù đến 04 (bốn) năm tù.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Lê Công H, Trần Minh T.

- Về dân sự: Chị Hồng Thị L đã nhận lại tài sản, chị L không yêu cầu bồi thường về dân sự, nên không xét đến.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu và tiêu hủy 01 quần Jean dài, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, **màu trắng sọc đen; 01 nón bảo hiểm màu trắng, có viền đen.**

Các bị cáo đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lời khai của họ, việc vắng mặt những người này không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố là đúng người, đúng tội. Xét thấy, lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với tất cả các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/5/2022, Lê Công H điều khiển mô tô Biển số 62S2-5848 chở Trần Minh T lưu T trên đường Quốc lộ 1A hướng từ huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về tỉnh Long An. Khi đến khu vực Ấp 4, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, H chạy xe vượt lên áp sát bên phải xe mô tô Biển số 59K1-238.96 do anh Nguyễn Tấn T đang điều khiển chở chị Hồng Thị L. T liền giật túi xách màu đen trị giá 90.000 đồng của chị L đang để ở giữa, bên trong túi xách có 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Realme, model RMX 181 trị giá 1.000.000 đồng, 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo model A74 trị giá 2.450.000 đồng, tổng tài sản chị L bị chiếm đoạt với số tiền là 3.540.000 đồng. Sau khi giật được túi xách, H tăng tốc xe bỏ chạy đến khu vực Ấp 5, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức thì bị quần chúng nhân dân cùng lực lượng Công an bắt giữ cùng tang vật.

Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, các bị cáo sử dụng phương tiện xe mô tô để nhanh chóng chiếm đoạt và tẩu thoát, nên hành vi

nêu trên thuộc T hợp là dùng thủ đoạn nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Ngày 16/3/2021, bị cáo Lê Công H bị Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc T hợp tái phạm, nên lần này bị cáo H phạm tội “Cướp giật tài sản” thuộc T hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Do đó, hành vi của bị cáo Lê Công H đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trần Minh T đã phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của người tham gia giao thông trên đường và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo đã biết rõ hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà bất chấp pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ với nhau trong quá trình phạm tội. Xét về vai trò, nhân thân, mức độ phạm tội của từng bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lê Công H là người rủ rê bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị cáo trực tiếp điều khiển xe mô tô áp sát xe mô tô chở người bị hại để bị cáo T thực hiện hành vi cướp giật tài sản của người bị hại.

Bị cáo Trần Minh T đã bị dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng, chưa được xóa tiền sự. Bị cáo Lê Công H đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo H không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi cướp giật tài sản, điều đó chứng tỏ bị cáo H coi thường pháp luật. Cho nên, hành vi của bị cáo H là nguy hiểm hơn bị cáo T.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, riêng đối với bị cáo Trần Minh T lần đầu phạm tội, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình tiết như phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy, phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa những hành vi vi phạm pháp luật có thể xảy ra trong xã hội. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng

loại hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều Điều 171 Bộ luật Hình sự, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Ngoài ra, hình phạt chính đối với các bị cáo là nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về dân sự: Chị Hồng Thị L đã nhận lại tài sản, chị L không có yêu cầu bồi thường về dân sự, nên không xem xét.

[10] Về vật chứng:

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Future màu đen, Biển số 6252-5848 thuộc sở hữu của ông Lê Hoài Đ là cha ruột của bị cáo Lê Công H. Ông Đ cho H mượn xe của ông Đ để đi công việc. H sử dụng xe trên để thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản thì ông Đ hoàn toàn không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức đã trả lại xe trên cho ông Đ là phù hợp.

Đối với 01 túi xách da màu đen, viền đỏ, trắng, không có nhãn hiệu; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Realme, model RMX 181; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Oppo model A74, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức trả lại cho chị Hồng Thị L là phù hợp.

Đối với 01 quần Jean dài, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, **màu trắng sọc đen, 01 nón bảo hiểm màu trắng, có viền đen không có giá trị, nên tịch thu và tiêu hủy.**

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Công H, Trần Minh T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Công H 04 (bốn) năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 38; 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam các bị cáo, ngày 08/5/2022.

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Công H, Trần Minh T, mỗi bị cáo tạm giam 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 quần Jean dài, màu đen; 01 áo sơ mi dài tay, **màu trắng sọc đen; 01 nón bảo hiểm màu trắng, có viền đen.**

Vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức theo Quyết định chuyển vật chứng số 09/QĐ-VKSBL ngày 04/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức.

- Về án phí: Căn cứ vào các Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ; án văn.

Đoàn Thanh Lâm